

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 98/2024/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm 1990

Địa chỉ: **Thôn A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**

- Bị đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1989

Địa chỉ: **Thôn A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang**

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị Lan A** và anh **Lê Văn T** (Giấy chứng nhận kết hôn số 13 quyển số 01/2014 ngày 11/6/2014 tại **UBND xã A, thành phố T**)

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là **Lê Minh K**, sinh ngày 04/02/2015 cho chị **Nguyễn Thị Lan A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh **Lê Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **Nguyễn Thị Lan A** do chị **Nguyễn Thị Lan A** không yêu cầu và anh **Lê Văn T** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- *Tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Lê Văn T xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ*: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Lê Văn T không vay nợ chung của ai, không đề nghị giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Lan A tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của vụ án là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23, số 0000932 ngày 08 tháng 5 năm 2024 của Chi cục T1 hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. H trả lại cho chị Nguyễn Thị Lan A số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị Nguyễn Thị Lan A đã nộp đủ án phí của vụ án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP . Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS TP . Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã An Khang, TP . Tuyên Quang) (để biết)
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà